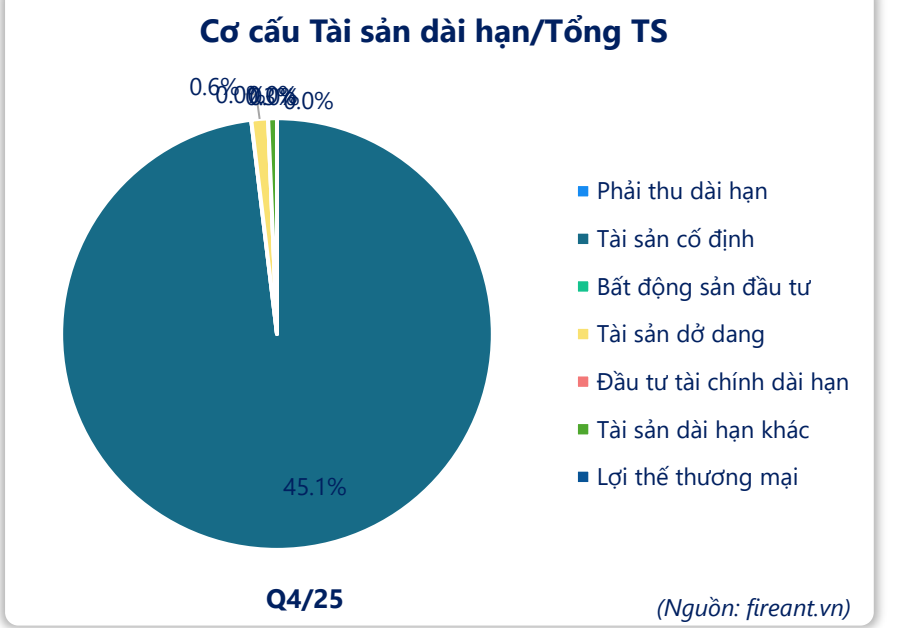
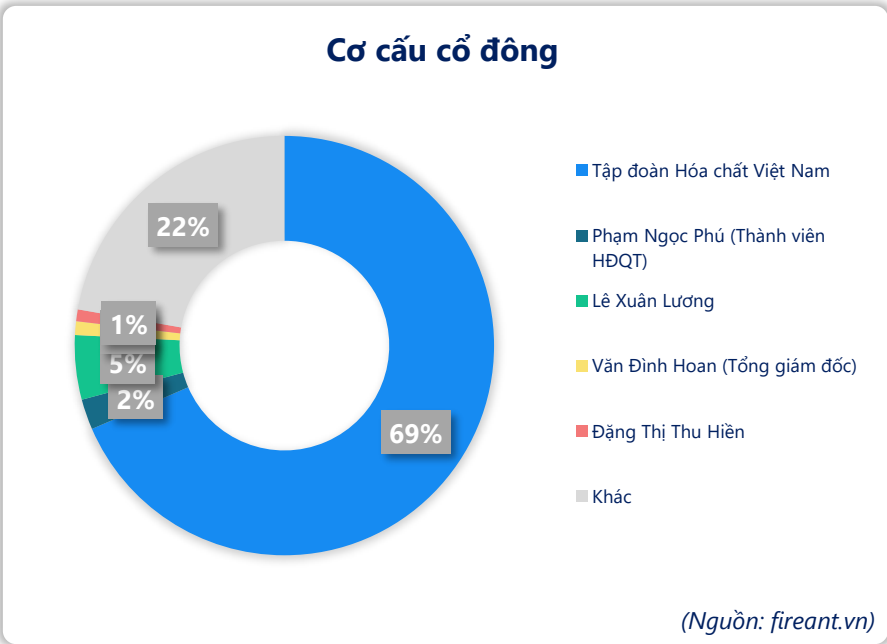
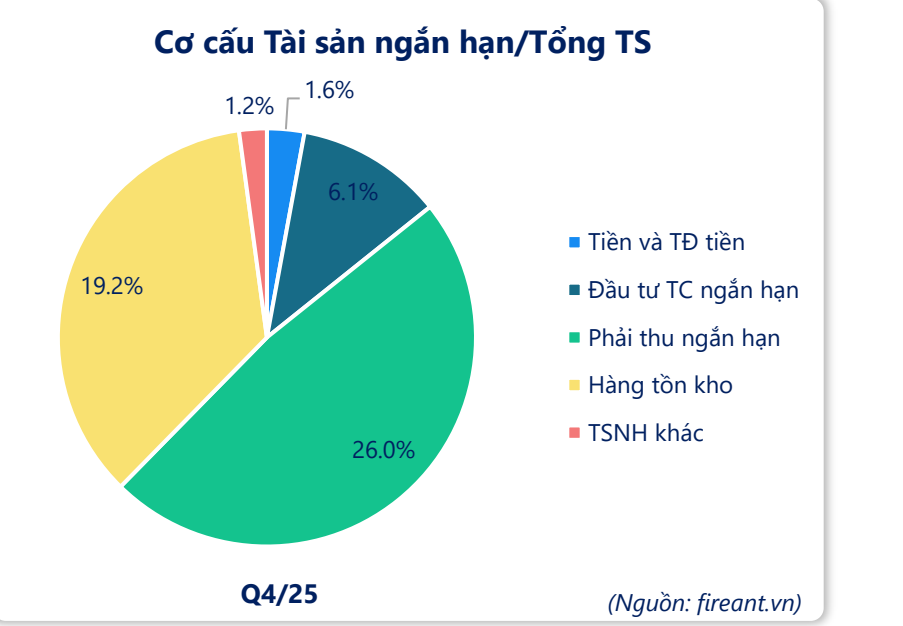
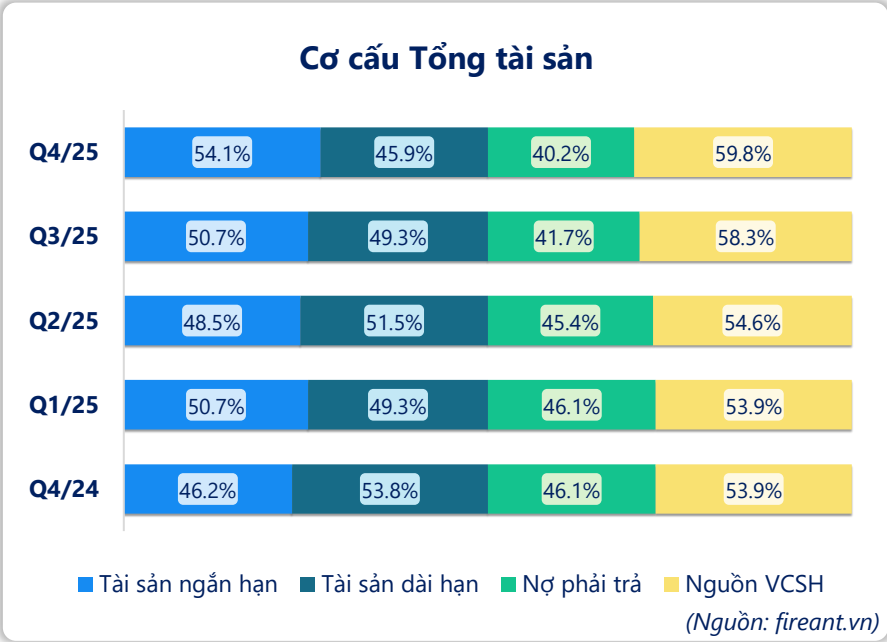
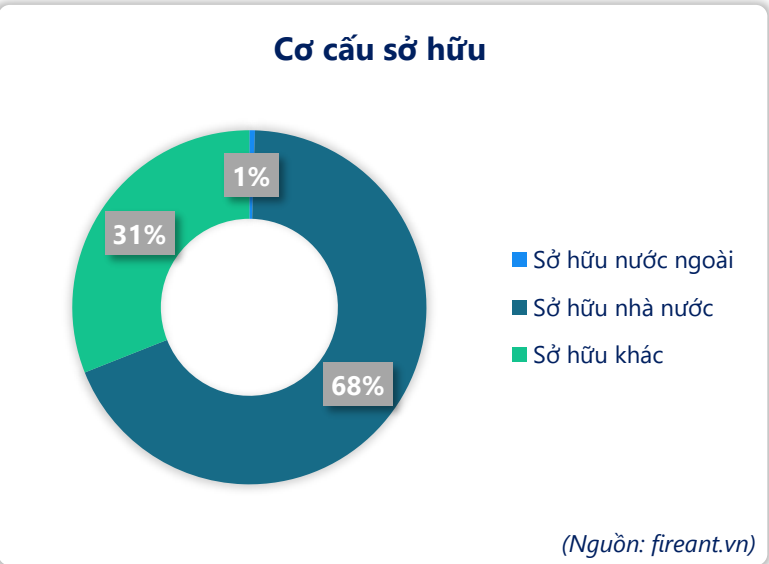
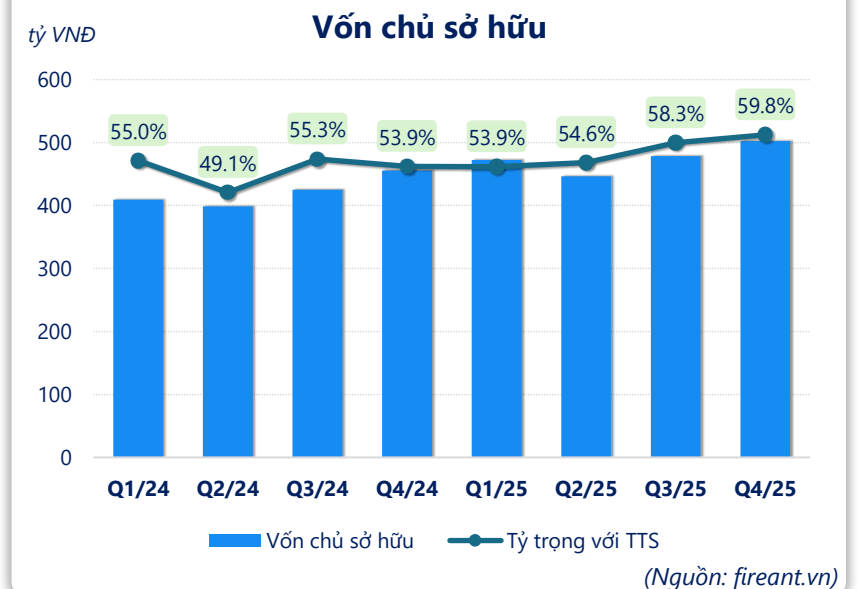
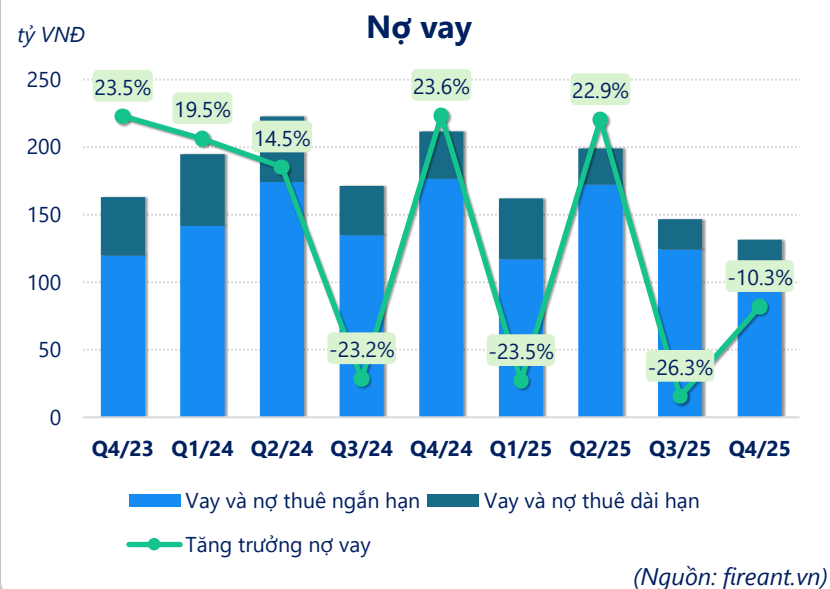
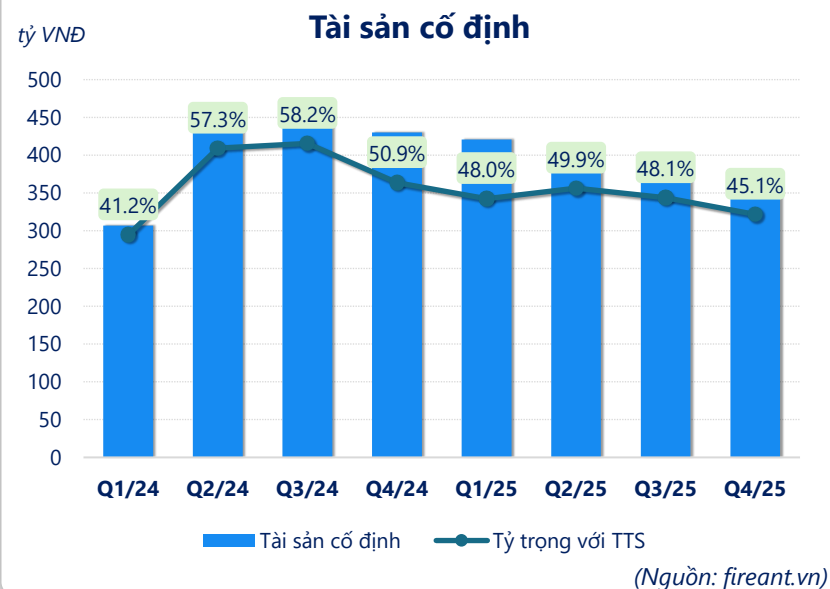
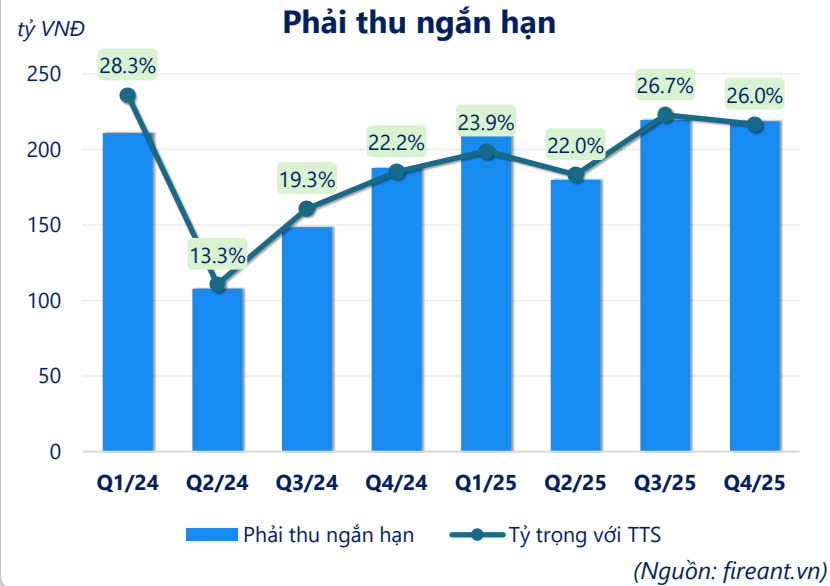
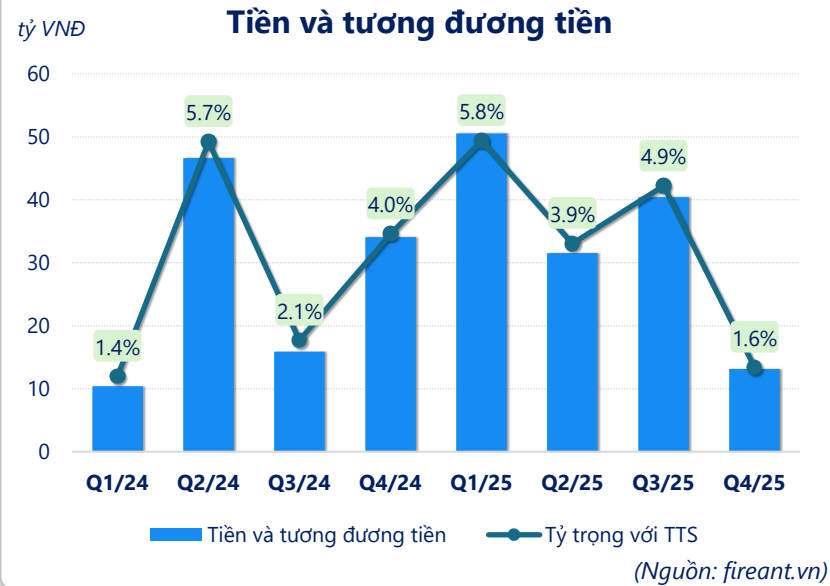
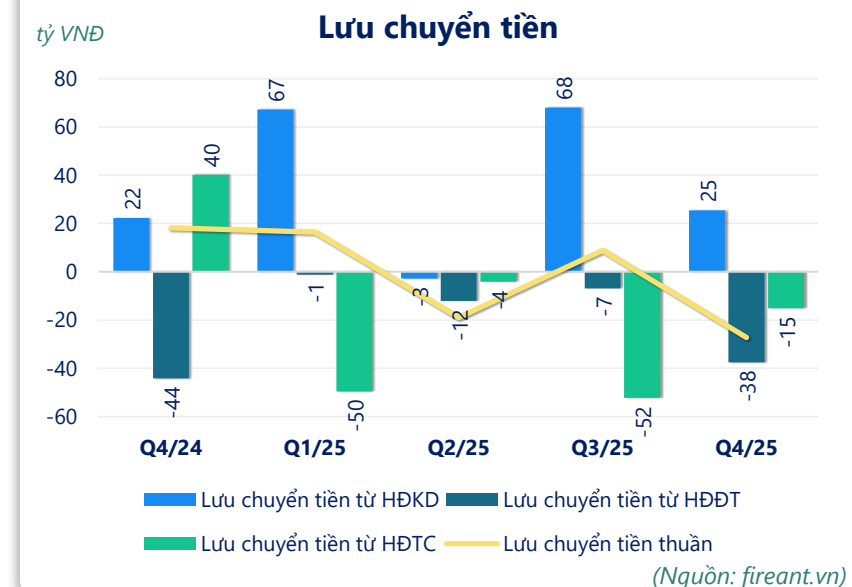
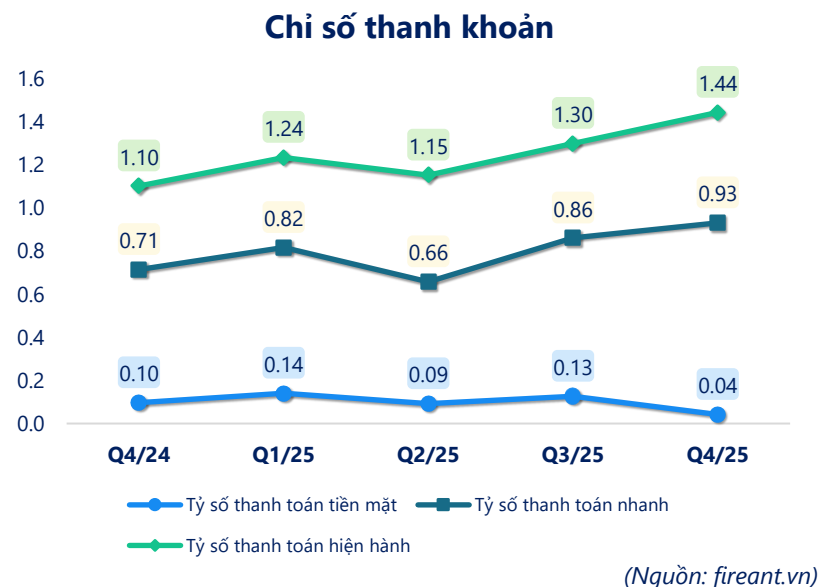
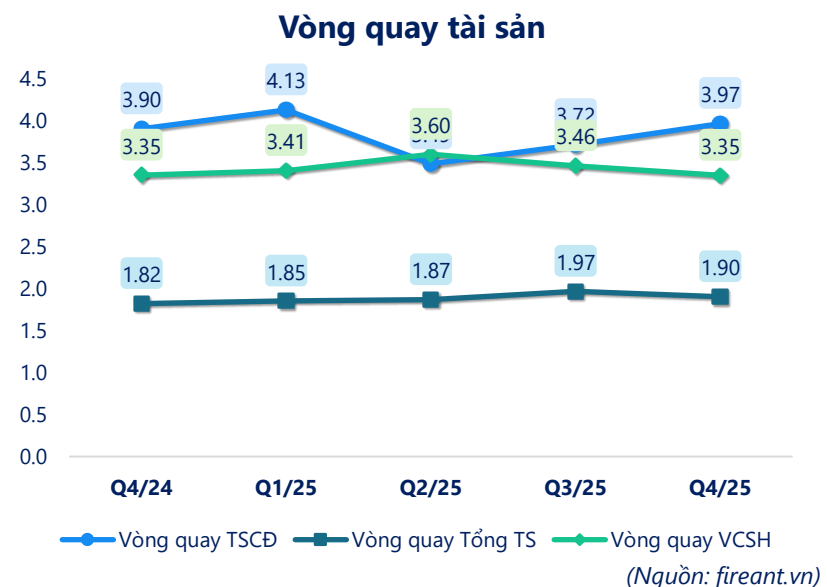
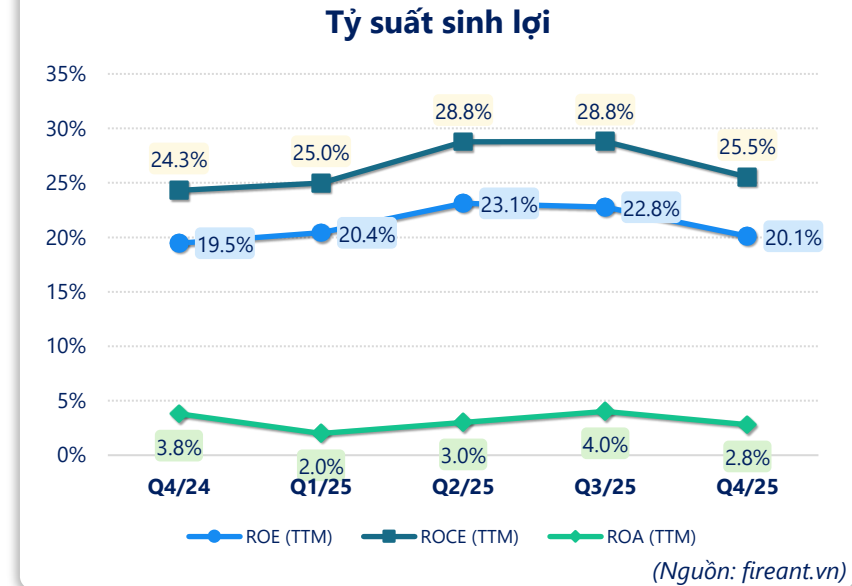
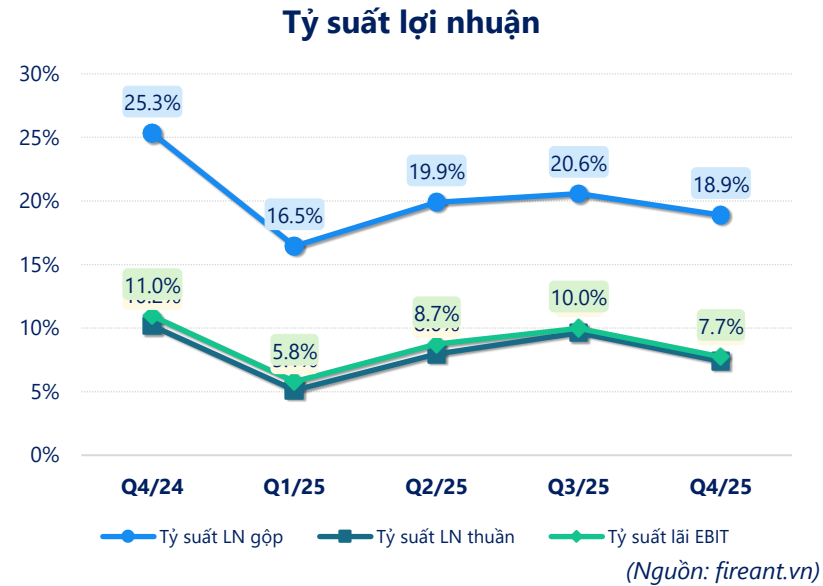
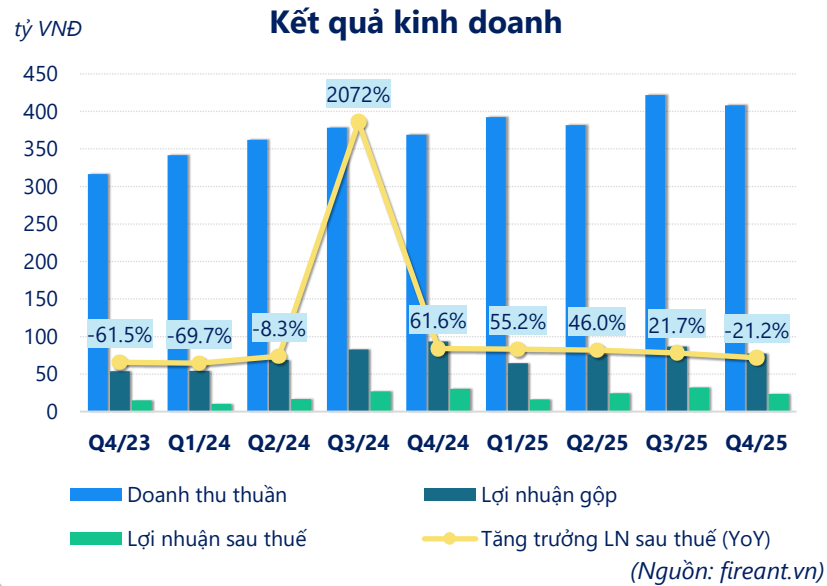


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,231
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,186
SL cổ phiếu LH		27,470,046
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,760
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		780
P/E		8.1
EPS		3,504

	YTD	1T	3T	6T
HVT	-34.1%	-5.0%	-5.0%	-22.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	840	845	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	454	389	16.7%
Tiền và tương đương tiền	13.2	34.1	-61.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.6	24.5	111%
Phải thu ngắn hạn	219	188	16.4%
Hàng tồn kho	161	137	18.2%
Tài sản ngắn hạn khác	9.73	6.62	46.9%
Tài sản dài hạn	386	455	-15.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	379	441	-14.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.83	4.57	5.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.53	9.99	-74.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	338	389	-13.0%
Nợ ngắn hạn	315	354	-11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	108	177	-38.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	111	86.7	27.7%
Nợ dài hạn	23.4	35.1	-33.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.4	35.1	-33.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	502	456	10.1%
Vốn chủ sở hữu	502	456	10.1%
Vốn điều lệ	275	110	150%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	369	392	382	422	408
Giá vốn hàng bán	276	328	306	335	331
Lợi nhuận gộp	93.4	64.6	76.0	86.8	77.1
Doanh thu HĐTC	0.64	0.24	0.58	0.09	0.06
Chi phí TC	3.79	2.47	2.82	1.97	1.92
Chi phí lãi vay	2.53	2.47	2.82	1.97	1.92
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	30.8	25.7	25.1	27.2	27.0
Chi phí QLDN	22.0	16.5	18.3	17.2	18.1
LN thuần từ HĐKD	37.5	20.1	30.4	40.6	30.1
Lợi nhuận khác	0.37	0.18	0.14	-0.46	-0.48
LN trước thuế	37.9	20.3	30.5	40.2	29.7
Lợi nhuận sau thuế	30.3	16.2	24.4	32.0	23.7
LNST của CĐ cty mẹ	30.3	16.2	24.4	32.0	23.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.2	67.3	-2.83	68.0	25.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-44.2	-1.19	-12.0	-6.91	-37.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	40.2	-49.6	-4.12	-52.3	-15.2
Tiền đầu kỳ	15.9	34.1	50.5	31.5	40.4
Lưu chuyển tiền thuần	18.2	16.4	-19.0	8.87	-27.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.1	50.5	31.5	40.4	13.2

(Nguồn: fireant.vn)